

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam là một Tổng Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD ngày 13/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103017485 lần đầu ngày 25/5/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 04/10/2019 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109441.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109441 thay đổi lần thứ 12 ngày 04/10/2019 là: 789.072.760.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi chín tỷ không trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM INVESTMENT CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt là: CONSTREXIM HOLDINGS

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch: CTX.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Trần Khanh	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Chu Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Lý Quốc Hùng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lý Văn Khả	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Anh Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Lý Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tường Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Lý	Phó Tổng giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện đã nêu tại mục 7.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Thị Hương Lan
Trưởng phòng Tài chính - Kế toán
(Giấy ủy quyền số 06/UQ-CTX-KHTC ngày 28/8/2020)
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Số: 147/2023/BCKTHN-CPA VIETNAM- NV1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam được lập ngày 31/03/2023, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.11 của Báo cáo tài chính hợp nhất về việc Tổng Công ty đã ghi nhận chi phí đầu tư xây dựng tầng 1 của các tòa nhà CT3, CT4-5 và CT6 thuộc Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa là tài sản của Tổng Công ty dựa theo Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ("UBND thành phố Hà Nội") ban hành ngày 31/8/2006 và Công văn số 09/BXD-QLN ngày 07/01/2013 của Bộ Xây dựng. Tuy nhiên, theo Công văn số 985/UB-NNDC do UBND TP Hà Nội ban hành ngày 31/3/2004, Tổng Công ty có trách nhiệm bàn giao tầng 1 của các tòa nhà cao tầng này cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội theo quy định. Tổng Công ty hiện đang làm việc với các cơ quan hữu quan để giải quyết các nội dung này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tổng Công ty chưa thực hiện theo khoản 2 Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán về việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Tổng Công ty.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023



Vũ Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 3011-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		768.931.510.032	867.602.958.359
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	45.062.497.655	32.737.725.126
1. Tiền	111		45.062.497.655	32.737.725.126
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	203.645.251	203.645.251
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.549.370.051	2.549.370.051
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.345.724.800)	(2.345.724.800)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		521.871.027.413	607.446.443.234
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	309.688.748.205	436.350.104.827
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	282.013.537.144	211.809.417.012
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		34.039.500.276	29.725.819.691
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	37.494.361.957	70.964.484.653
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(141.447.656.763)	(141.447.656.763)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		82.536.594	44.273.814
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	162.022.605.456	183.116.385.780
1. Hàng tồn kho	141		162.022.605.456	183.116.385.780
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.771.734.257	44.098.758.968
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	901.415.720	907.664.175
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		35.687.980.127	39.629.916.419
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	5.9	3.182.338.410	3.561.178.374
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	200		1.461.924.561.395	1.453.208.892.135
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.450.141	6.450.141
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	6.450.141	6.450.141
II. Tài sản cố định	220		432.728.684.837	457.450.969.719
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	419.026.923.378	443.374.586.506
- Nguyên giá	222		525.099.132.666	524.561.611.177
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.072.209.288)	(81.187.024.671)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	13.701.761.459	14.076.383.213
- Nguyên giá	228		17.950.000.000	17.950.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.248.238.541)	(3.873.616.787)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	158.414.881.916	163.659.625.070
1. Nguyên giá	231		197.780.204.795	195.543.298.841
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(39.365.322.879)	(31.883.673.771)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.13	861.295.186.589	826.891.958.350
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		124.778.144.606	123.059.521.062
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		736.517.041.983	703.832.437.288
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	1.639.383.081	1.639.383.081
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.012.898.701	12.012.898.701
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.373.515.620)	(10.373.515.620)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.839.974.831	3.560.505.774
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	7.839.974.831	3.560.505.774
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.230.856.071.427	2.320.811.850.494

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.249.381.778.288	1.343.822.537.512
I. Nợ ngắn hạn	310		1.056.130.867.296	1.153.203.490.116
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	283.297.926.410	298.032.677.016
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		290.709.412.508	226.007.646.220
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	2.574.006.792	2.716.625.502
4. Phải trả người lao động	314		5.741.941.725	4.899.812.640
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	250.540.632.287	243.311.705.872
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	7.181.159.085	5.274.468.522
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	64.591.554.644	155.549.012.874
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	148.160.000.000	214.715.373.633
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.334.233.845	2.696.167.837
II. Nợ dài hạn	330		193.250.910.992	190.619.047.396
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.15	139.595.176.305	138.621.206.603
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16	19.333.519.774	19.640.423.402
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	1.050.000.000	-
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.18	33.272.214.913	32.357.417.391
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		981.474.293.139	976.989.312.982
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	981.474.293.139	976.989.312.982
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		789.072.760.000	789.072.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		789.072.760.000	789.072.760.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		104.636.382	104.636.382
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		180.187.026.682	174.083.222.731
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		174.083.222.731	(47.223.885.078)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.103.803.951	221.307.107.809
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12.109.870.075	13.728.693.869
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.230.856.071.427	2.320.811.850.494
			unbalance	unbalance

Người lập/Kế toán trưởng



Đỗ Quốc Việt

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Trưởng phòng Tài chính kế toán

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC




Hoàng Thị Hương Lan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	183.933.333.337	90.888.904.251
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		183.933.333.337	90.888.904.251
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	145.159.699.937	102.470.237.511
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		38.773.633.400	(11.581.333.260)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	1.364.392.709	1.125.007.864
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lợi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	7.492.023.959	2.334.626.208
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	27.597.719.028	19.091.610.288
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		5.048.283.122	(31.882.561.892)
12. Thu nhập khác	31		2.363.048.837	33.292.443.306
13. Chi phí khác	32		906.191.004	4.523.115.691
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.456.857.833	28.769.327.615
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		6.505.140.955	(3.113.234.277)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	832.513.210	5.501.725.240
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.672.627.745	(8.614.959.517)
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		6.103.803.951	(8.547.166.310)
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(431.176.206)	(67.793.207)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	77,35	(108,32)

Người lập/Kế toán trưởng



Đỗ Quốc Việt

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

T.Ư. Q. TỔNG GIÁM ĐỐC
Trưởng phòng Tài chính kế toán




Hoàng Thị Hương Lan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.505.140.955	(3.113.234.277)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	33.304.053.575	25.371.818.560
- Các khoản dự phòng	03	-	(1.085.119.342)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.364.392.709)	(1.125.007.864)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	38.444.801.821	20.048.457.077
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	95.040.238.461	(53.201.879.915)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	21.524.956.530	(39.172.405.630)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(28.404.938.171)	108.694.911.215
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.273.220.602)	3.211.620.717
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.042.142.742)	(3.140.085.238)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	120.289.695.297	36.440.618.226
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(37.740.253.778)	(1.471.718.182)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.313.680.585)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.364.392.709	1.125.007.864
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(40.689.541.654)	(346.710.318)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(66.555.373.633)	(57.433.780.518)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(67.275.381.114)	(57.433.780.518)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	12.324.772.529	(21.339.872.610)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.737.725.126	54.077.597.736
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	45.062.497.655	32.737.725.126

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

T. U. Q. TỔNG GIÁM ĐỐC
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Người lập/Kế toán trưởng



Đỗ Quốc Việt



Hoàng Thị Hương Lan

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam là một Tổng Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD ngày 13/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103017485 lần đầu ngày 25/5/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 04/10/2019 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109441.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109441 thay đổi lần thứ 12 ngày 04/10/2019 là: 789.072.760.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi chín tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM INVESTMENT CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK CORPORATION.

Tên Tổng Công ty viết tắt là: CONSTREXIM HOLDINGS

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch: CTX.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và Các công ty con tại ngày 31/12/2022 là 245 (tại ngày 31/12/2021 là 245).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là:

- Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng và nhà ở; và vận hành kinh doanh khách sạn.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn giám sát xây dựng và mua sắm;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động kinh doanh bất động sản và xây lắp của Tổng Công ty không được xác định một cách rõ ràng mà phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án mà Tổng Công ty thực hiện.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được, và

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty có các công ty con, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

<i>Tên Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>			
1. Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại Hải Dương	Số 42, phố Lê Chân, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương			
2. Trung tâm Kinh doanh Thương mại – Dịch vụ Constrexim TS – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội			
	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ góp vốn %	Tỷ lệ biểu quyết %	Hoạt động chính
Công ty con				
<i>Các Công ty con sản xuất kinh doanh</i>				
Công ty TNHH CTX số 1	100	100	100	Thi công, xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH Apas Hospitality (trước đây là Công ty TNHH CTX số 3)	100	100	100	Cung cấp dịch vụ quản lý và cho thuê bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Constrexim	81	81	81	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
<i>Các công ty con đầu tư dự án</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	99,99	99,99	99,99	Phát triển dự án khách sạn và trung tâm thương mại
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	95	95	95	Phát triển dự án bất động sản
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	98	98	98	Phát triển dự án thủy điện
Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	90	90	90	Phát triển dự án bất động sản
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	100	100	100	Phát triển dự án đang quản lý và kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH CTX Số 2	100	100	100	Đầu tư phát triển dự án Bất động sản
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Constrexim Đức Tân Long	28	28	28	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	20	20	20	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)	30	30	30	Thi công xây lắp, Tư vấn thiết kế công trình
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	27	27	27	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	20	20	20	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	20	20	20	Thi công xây lắp, Tư vấn thiết kế.
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	30	30	30	Thi công xây lắp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất, hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Tài sản khác	05

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và công ty liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay hợp nhất cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong năm 2022, có 16.765.528.750 đồng (năm 2021: 23.733.537.933 tỷ đồng) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay.
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.
- Các chi phí phải trả khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế...

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm:

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, kinh doanh bất động sản, doanh thu khác và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	1.707.028.824	1.919.017.530
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.355.468.831	30.917.159.831
Tổng	45.062.497.655	32.836.177.361

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu						
Trong đó						
Công ty						
Constrexim	862.400.000	-	(862.400.000)	862.400.000	-	(862.400.000)
Việt CZ (t)						
Các cổ phiếu khác	1.686.970.051	203.645.251	(1.483.324.800)	1.686.970.051	203.645.251	(1.483.324.800)
Tổng	2.549.370.051	203.645.251	(2.345.724.800)	2.549.370.051	203.645.251	(2.345.724.800)

(i) Cổ phiếu của Công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tổng Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(ii) Là các chứng chỉ tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng thương mại, có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 8,15%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Theo phương pháp vốn chủ sở hữu
b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	32.933.412.413	-	32.933.412.413	-
Công ty Cổ phần Constrexim				
Đức Tân Long	18.433.412.413	-	18.433.412.413	-
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Constrexim Đồng Đô	2.700.000.000	-	2.700.000.000	-
Công ty Cổ phần ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng				
Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần xây lắp				
và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-

Trong giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết có giá trị lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty góp vốn vào các công ty này tại ngày 31/12/2022 với số tiền là 3.932.770.00 VND (tại ngày 31/12/2021 là 3.932.770.000 VND).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

d. Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2022				01/01/2022				Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
12.012.898.701	(*)	(10.373.515.620)		12.012.898.701	(*)	(10.373.515.620)		(10.373.515.620)	
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Cảnh Viên	2.765.700.000	(*)	(2.765.700.000)	2.765.700.000	(*)	(2.765.700.000)	2.765.700.000	(2.765.700.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và xây lắp Cao tầng	1.800.000.000	(*)	(1.800.000.000)	1.800.000.000	(*)	(1.800.000.000)	1.800.000.000	(1.800.000.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim số 1	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)	1.500.000.000	(1.500.000.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim số 8	979.383.081	905.454.660	-	979.383.081	685.566.000	-	979.383.081	685.566.000	
Công ty Cổ phần Constrexim số 6	690.000.000	(*)	(690.000.000)	690.000.000	(*)	(690.000.000)	690.000.000	(690.000.000)	
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	660.000.000	1.138.500.000	-	660.000.000	825.000.000	-	660.000.000	825.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà Constrexim (HOD)	625.000.000	(*)	(625.000.000)	625.000.000	(*)	(625.000.000)	625.000.000	(625.000.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim TM	549.950.000	(*)	(549.950.000)	549.950.000	(*)	(549.950.000)	549.950.000	(549.950.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	500.000.000	(*)	(500.000.000)	500.000.000	(*)	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim Bình Định	500.000.000	(*)	(500.000.000)	500.000.000	(*)	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim Miền Trung	450.000.000	(*)	(450.000.000)	450.000.000	(*)	(450.000.000)	450.000.000	(450.000.000)	
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim (CIC)	400.000.000	(*)	(400.000.000)	400.000.000	(*)	(400.000.000)	400.000.000	(400.000.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim Việt Séc	320.000.000	(*)	(320.000.000)	320.000.000	(*)	(320.000.000)	320.000.000	(320.000.000)	
Công ty Cổ phần Constrexim Hải phòng	272.865.620	(*)	(272.865.620)	272.865.620	(*)	(272.865.620)	272.865.620	(272.865.620)	
Tổng	12.012.898.701		(10.373.515.620)	12.012.898.701		(10.373.515.620)	12.012.898.701	(10.373.515.620)	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014

của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Trong giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào các đơn vị khác có giá trị lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty góp vốn vào các công ty này tại ngày 31/12/2022 với số tiền là 6.907.400.000 VND (tại ngày 31/12/2021 là 6.907.400.000 VND).

Thông tin về Tỷ lệ sở hữu vốn và Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại các công ty con, công ty liên kết (xem tại Thuyết minh 1.6)

Các giao dịch giữa Tổng Công ty và Công ty con, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường. Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại sàn giao dịch HNX và HOSE tại ngày 31/12/2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	299.103.447.044	435.429.513.435
Phải thu theo hợp đồng xây lắp liên quan đến hợp đồng thầu phụ có điều kiện (*)	89.095.264.405	101.391.510.841
Phải thu theo các hợp đồng xây lắp khác	88.078.147.142	141.688.562.614
Phải thu do chuyển nhượng bất động sản	27.922.511.520	145.879.241.575
Các đối tượng khác	94.007.523.977	46.470.198.405
Tổng	299.103.447.044	435.429.513.435
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	9.259.059.185	9.193.403.716
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)</i>		

(*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện, Tổng Công ty chỉ thanh toán cho các nhà thầu phụ sau khi nhận tiền thanh toán của các công trình từ chủ đầu tư.

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn	282.013.537.144	211.809.417.012
Công ty Cổ phần Đầu tư PT Constrexim số 16	14.217.553.004	14.217.553.004
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Nhà Việt Nam	488.924.476	4.233.328.209
Trả trước hoạt động khác	267.307.059.664	193.358.535.799
Tổng	282.013.537.144	211.809.417.012
Trả trước người bán là các bên liên quan	19.089.938.872	19.089.938.872
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)</i>		

5.5 Các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	37.494.361.957	-	70.964.484.653	-
Tạm ứng	33.817.168.060	-	41.625.031.361	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	130.000.000	-
Phải thu khác	3.677.193.897	-	29.209.453.292	-
Các khoản khác	3.677.193.897	-	29.209.453.292	-
Dài hạn	6.450.141	-	6.450.141	-
Ký cược, ký quỹ	6.450.141	-	3.000.000	-
Các khoản khác	-	-	3.450.141	-
Tổng	37.500.812.098	-	70.970.934.794	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.6 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>	<i>142.400.289.675</i>	<i>952.632.912</i>	<i>142.400.289.675</i>	<i>952.632.912</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	84.051.539.100	-	84.051.539.100	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	29.717.170.082	952.632.912	29.717.170.082	952.632.912
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	28.631.580.493	-	28.631.580.493	-
Cộng	142.400.289.675	952.632.912	142.400.289.675	952.632.912

Các khoản nợ xấu này đã được Tổng Công ty trích lập dự phòng với số tiền 133,1 tỷ đồng

	Quá hạn trên 3 năm VND
Tên công ty	
Công ty CP Constrexim Việt Séc	10.097.942.200
Công ty Xây dựng số 4 - Hà nội - VLCL kiểm tính	17.487.236.514
Các đối tượng khác	114.815.110.961
Tổng	142.400.289.675

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.409.705.785	-	996.607.056	-
Công cụ, dụng cụ	1.411.157.644	-	1.484.825.349	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	159.111.119.298	-	180.534.941.875	-
Hàng hoá	90.622.729	-	100.011.500	-
Tổng	162.022.605.456	-	183.116.385.780	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.8 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
Phải nộp	2.716.625.502	2.679.632.628	2.822.251.338	2.574.006.792
Thuế giá trị gia tăng	366.372.404	735.549.913	735.549.913	366.372.404
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.439.161	31.378.933	25.181.204	7.636.890
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	1.504.997.491	832.513.210	1.211.776.943	1.125.733.758
Thuế thu nhập cá nhân	758.645.534	668.793.784	468.575.751	958.863.567
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	9.995	270.054.693	270.054.693	9.995
Các loại thuế khác	85.160.917	141.342.095	111.112.834	115.390.178

	01/01/2022	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	31/12/2022
Phải thu	3.561.178.374	6.331.950.161	5.953.110.197	3.182.338.410
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	2.953.582.580	4.792.279.912	3.804.401.699	1.965.704.367
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	354.098.932	-	830.365.799	1.184.464.731
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	46.703.237	46.703.237	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	253.496.862	1.492.967.012	1.271.639.462	32.169.312

Tổng Công ty đã căn trừ khoản thuế giá trị gia tăng đã nộp hai lần cho cơ quan thuế trong các năm 2006 và 2007 với cùng một số tiền là 29,6 tỷ đồng với thuế giá trị gia tăng phải trả trong tháng 12 năm 2011. Khoản thuế nộp hai lần này phát sinh do doanh thu bên liên quan đã được coi là doanh thu chịu thuế do đoàn thanh tra khác của Cục thuế Thành phố Hà Nội ký ngày 27/6/2006 và Biên bản thanh tra thuế cho năm 2006 và 5 tháng đầu năm 2007 do một đoàn thanh tra khác của Cục thuế Hà Nội ký ngày 25/10/2007. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với cơ quan thuế để xử lý vấn đề này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2022	461.942.491.018	46.577.285.252	12.512.353.880	2.800.229.431	729.251.596	524.561.611.177
Tăng trong năm	30.000.000	1.071.958.453	136.363.636	-	-	1.238.322.089
Mua trong năm	-	454.172.727	136.363.636	-	-	590.536.363
Đầu tư XD CB hoàn thành	30.000.000	617.785.726	-	-	-	647.785.726
Giảm trong năm	-	66.227.272	-	634.573.328	-	700.800.600
Thanh lý, nhượng bán	-	66.227.272	-	634.573.328	-	700.800.600
Số dư tại 31/12/2022	461.972.491.018	47.583.016.433	12.648.717.516	2.165.656.103	729.251.596	525.099.132.666
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2022	62.749.074.309	7.951.543.422	8.948.569.742	808.585.602	729.251.596	81.187.024.671
Tăng trong năm	20.642.204.969	2.766.899.075	1.827.205.717	349.675.457	-	25.585.985.217
Khấu hao trong năm	20.642.204.969	2.628.696.571	1.827.205.717	349.675.457	-	25.447.782.713
Tăng khác	-	138.202.504	-	-	-	138.202.504
Giảm trong năm	-	66.227.272	-	634.573.328	-	700.800.600
Thanh lý, nhượng bán	-	66.227.272	-	634.573.328	-	700.800.600
Số dư tại 31/12/2022	83.391.279.277	10.652.215.225	10.775.775.459	523.687.731	729.251.596	106.072.209.288
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2022	399.193.416.709	38.625.741.830	3.563.784.138	1.991.643.829	-	443.374.586.506
Số dư tại 31/12/2022	378.581.211.741	36.930.801.208	1.872.942.057	1.641.968.372	-	419.026.923.378

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022: 3.452.051.793 đồng (tại ngày 31/12/2021: 3.452.051.793 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2022	17.950.000.000	17.950.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2022	17.950.000.000	17.950.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2022	3.873.616.787	3.873.616.787
Tăng trong năm	374.621.754	374.621.754
Khấu hao trong năm	374.621.754	374.621.754
Số dư tại 31/12/2022	4.248.238.541	4.248.238.541
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2022	14.076.383.213	14.076.383.213
Số dư tại 31/12/2022	13.701.761.459	13.701.761.459

5.11 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số dư tại 01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư tại 31/12/2022
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	195.543.298.841	2.236.905.954	-	197.780.204.795
- Nhà cửa, vật kiến trúc (i)	194.217.602.414	2.236.905.954	-	196.454.508.368
- Tài sản khác	1.325.696.427	-	-	1.325.696.427
Giá trị hao mòn lũy kế	31.883.673.771	7.481.649.108	-	39.365.322.879
- Nhà cửa, vật kiến trúc (i)	30.557.977.344	7.481.649.108	-	38.039.626.452
- Tài sản khác	1.325.696.427	-	-	1.325.696.427
Giá trị còn lại	163.659.625.070	2.236.905.954	7.481.649.108	158.414.881.916
- Nhà cửa, vật kiến trúc (i)	163.659.625.070	2.236.905.954	7.481.649.108	158.414.881.916

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty là nhà văn phòng và một số công trình khác tại Khu đô thị mới Yên Hòa được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

(i) Bao gồm nhóm nhà cửa và vật kiến trúc là các tầng 1 thuộc các tòa nhà CT3, CT4-5 và CT6 trong Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 là 4.413.625.615 VND (Tại ngày 31/12/2021 là 4.727.019.150 VND). Các tài sản này được Tổng Công ty ghi nhận là tài sản của Tổng Công ty trên cơ sở áp dụng Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND ngày 31/08/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định tạm thời về quản lý đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án Khu đô thị mới, Khu nhà ở trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Theo đó, Tổng Công ty với tư cách là chủ đầu tư được quản lý, sử dụng toàn bộ tầng 1 nhà chung cư cao tầng để sử dụng vào mục đích kinh doanh dịch vụ công ích đô thị, phục vụ cho việc quản lý duy trì khu dân cư, có trách nhiệm tổ chức việc quản lý, vận hành khu chung cư theo đúng quy định của Nhà nước và Thành phố. Xem thêm Thuyết minh số 7.1 về cam kết của Tổng Công ty liên quan đến các tài sản này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Ngoài ra, trong nhóm Nhà cửa, vật kiến trúc này còn bao gồm các tầng tum, tầng hầm và sân tầng 1 thuộc tòa nhà CT3, CT6 trong Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 là 5.274.835.457 VND (Tại ngày 31/12/2021 là 5.738.932.943 VND). Tổng Công ty đã ghi nhận các tài sản này là các tài sản của Tổng Công ty dựa trên Công văn số 09/BXD-QLN của Bộ Xây dựng ngày 07/01/2013. Tổng Công ty và các cơ quan Nhà nước hữu quan và các bên liên quan khác đang trong quá trình làm việc để hoàn tất hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu và quyền sử dụng liên quan đến các tài sản nêu trên.

5.12 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	124.778.144.606	124.778.144.606	123.059.521.062	123.059.521.062
Khu nghỉ dưỡng Champa Legend resort and spa	124.778.144.606	124.778.144.606	123.059.521.062	123.059.521.062
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	736.517.041.983	647.668.527.565	703.832.437.288	703.832.437.288
Dự án Toà nhà hỗn hợp Constrexim Complex (A1) Dự án Tòa nhà VP và Thương mại Constrexim Plaza (E2)	477.143.373.823	477.143.373.823	459.956.622.033	459.956.622.033
Dự án Thủy điện La Ngâu	82.558.647.370	82.558.647.370	80.319.245.572	80.319.245.572
Dự án Sapa resort	54.898.160.070	54.898.160.070	54.518.513.374	54.518.513.374
Dự án TTMM Kim Thành	68.073.835.461		53.956.740.748	53.956.740.748
Dự án Oceanview	20.774.678.957		20.717.178.376	20.717.178.376
Các dự án khác	31.980.509.172	31.980.509.172	31.661.241.845	31.661.241.845
	1.087.837.130	1.087.837.130	2.702.895.340	2.702.895.340
Tổng	861.295.186.589	772.446.672.171	826.891.958.350	826.891.958.350

5.13 Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	901.415.720	907.664.175
Chi phí bán hàng trả trước liên quan đến các căn hộ chưa bàn giao	-	137.203.088
Thuê thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	397.282.924	397.282.924
Chi phí ngắn hạn khác	504.132.796	373.178.163
Dài hạn	7.839.974.831	3.560.505.774
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.854.552.156	2.559.031.913
Chi phí trả trước khác	2.985.422.675	1.001.473.861
Tổng	8.741.390.551	4.468.169.949

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.14 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	283.297.926.410	283.297.926.410	298.032.677.016	298.032.677.016
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San	10.737.893.816	10.737.893.816	10.737.893.816	10.737.893.816
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	33.912.692.794	33.912.692.794	33.912.692.794	33.912.692.794
Tổng công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại VN	41.555.734.101	41.555.734.101	41.688.975.912	41.688.975.912
Đối tượng khác	197.091.605.699	197.091.605.699	211.693.114.494	211.693.114.494
Tổng	283.297.926.410	283.297.926.410	298.032.677.016	298.032.677.016
Phải trả người bán là các bên liên quan	17.659.160.724	17.659.160.724	17.659.161.194	17.659.161.194
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)</i>				

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	290.709.412.508	226.007.646.220
Công ty TNHH Đầu tư Địa Ốc KOSY	100.000.000.000	-
Công trình thư viện tỉnh Nghệ An	15.999.217.117	15.999.217.117
Người mua ứng trước tiền mua căn hộ	89.844.392.444	55.313.389.832
Đối tượng khác	84.865.802.947	154.695.039.271
Tổng	290.709.412.508	226.007.646.220
Trong đó người mua trả tiền trước là các bên liên quan	1.302.505.673	1.302.505.673
<i>Chi tiết tại thuyết minh 7.3</i>		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	250.540.632.287	243.311.705.872
Chi phí xây dựng trích trước cho hợp đồng xây lắp nhà số 1&5 đường Lê Duẩn, thành phố Hồ Chí Minh	26.393.006.926	30.215.789.354
Chi phí phát triển đất, chi phí xây dựng và chi phí bảo dưỡng trích trước cho Dự án Khu Đô thị mới Yên Hòa	15.041.573.573	17.331.127.738
Trích trước giá vốn chuyển nhượng Dự án Tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ (D28)	104.371.163.237	104.770.910.837
Chi phí xây dựng trích trước cho Dự án Tây Hồ Park View	29.486.566.965	35.255.377.052
Trích trước lãi vay phải trả Ông Trần Minh Sơn (i)	12.744.833.333	9.415.800.000
Trích trước chi phí khác	62.503.488.253	46.322.700.891
Dài hạn	139.595.176.305	138.621.206.603
Phải trả tiền thuê đất dự án Khu đô thị mới Yên Hòa	20.374.991.995	19.356.548.543
Trợ cấp thôi việc phải trả	291.614.310	336.088.060
Trích trước chi phí khác	118.928.570.000	118.928.570.000
Tổng	390.135.808.592	381.932.912.475

- (i) Lãi vay quá hạn phải trả Ông Trần Minh Sơn theo Hợp đồng vay vốn số 02/3/2016/HĐVV ngày 2/3/2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
Vay ngắn hạn						
Trần Minh Sơn (1)	148.160.000.000	148.160.000.000	-	66.555.373.633	214.715.373.633	214.715.373.633
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý	148.160.000.000	148.160.000.000	-	-	148.160.000.000	148.160.000.000
Bất động sản Thăng Long (2)	-	-	-	66.169.373.633	66.169.373.633	66.169.373.633
Các đối tượng khác	-	-	-	386.000.000	386.000.000	386.000.000
Tổng	148.160.000.000	148.160.000.000	-	66.555.373.633	214.715.373.633	214.715.373.633
Trong đó vay các bên liên quan	101.731.276.519	101.731.276.519	40.846.170.310	20.776.422.046	81.661.528.255	81.661.528.255

(Chỉ tiết tại thuyết minh 7.3)

Thông tin cho khoản vay ngắn hạn:

- Hợp đồng vay vốn số 02/3/2016/HĐVV ngày 02/3/2016. Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày giải ngân phần vốn vay đầu tiên. Lãi suất vay được ấn định là 6%/năm và không thay đổi trong suốt thời hạn vay. Tại ngày 31/12/2022, khoản vay và các khoản lãi liên quan phải trả ông Trần Minh Sơn đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty đang trong quá trình đàm phán để gia hạn cho khoản vay trên.
- Hợp đồng cho vay số 01/2016/HĐCV/TL-CTX ngày 01/01/2016. Số tiền cho vay chi tiết theo từng đề nghị vay vốn hoặc giấy nhận nợ. Lãi suất và thời hạn vay theo hợp đồng vay. Hình thức đảm bảo: Tín chấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.18 Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	64.591.554.644	155.549.012.874
Tài sản thừa chờ giải quyết	79.550.000	-
Kinh phí công đoàn	126.269.392	353.013.659
Bảo hiểm xã hội	130.429.097	403.194.130
Bảo hiểm y tế	79.580.212	77.132.212
Phải trả về cổ phần hóa	820.905.713	648.812.713
Bảo hiểm thất nghiệp	61.006.452	60.021.752
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	406.000.000	2.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.887.813.778	154.004.838.408
<i>Phải trả cổ tức cho các cổ đông</i>	<i>2.155.149.757</i>	<i>2.224.348.757</i>
<i>Phải trả liên quan đến thanh lý hợp đồng thuê</i>	<i>5.231.471.447</i>	<i>5.231.471.447</i>
<i>Phải trả cá nhân để mua cổ phần trong Công ty Cổ phần</i>	<i>1.800.000.000</i>	<i>1.800.000.000</i>
<i>Thủy điện La Ngầu</i>		
<i>Phải trả lãi tiền vay (i)</i>	<i>52.295.000.002</i>	<i>43.281.933.335</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>1.406.192.572</i>	<i>101.467.084.869</i>
Dài hạn	1.050.000.000	-
Phải trả phải nộp dài hạn khác	1.050.000.000	-
Tổng	65.641.554.644	155.549.012.874

- (i) Phân loại lại khoản chi phí lãi vay phải trả từ khoản mục 'Chi phí phải trả', khoản lãi vay trong hạn phải Ông Trần Minh Sơn theo Hợp đồng vay vốn số 02/3/2016/HĐVV ngày 2/3/2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.19 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2021	789.072.760.000	104.636.382	182.698.182.248	13.660.900.662	985.536.479.292
Tăng trong năm	-	-	-	67.793.207	67.793.207
Lãi trong năm trước	-	-	-	67.793.207	67.793.207
Giảm trong năm	-	-	(8.614.959.517)	-	(8.614.959.517)
Lỗ trong năm trước	-	-	(8.614.959.517)	-	(8.614.959.517)
Số dư tại 31/12/2021	789.072.760.000	104.636.382	174.083.222.731	13.728.693.869	976.989.312.982
Số dư tại 01/01/2022	789.072.760.000	104.636.382	174.083.222.731	13.728.693.869	976.989.312.982
Tăng trong năm	-	-	6.103.803.951	431.176.206	6.534.980.157
Lãi trong năm nay	-	-	6.103.803.951	431.176.206	6.534.980.157
Giảm trong năm	-	-	-	(2.050.000.000)	(2.050.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(2.050.000.000)	(2.050.000.000)
Số dư tại 31/12/2022	789.072.760.000	104.636.382	180.187.026.682	12.109.870.075	981.474.293.139

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

c. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Vốn góp của cổ đông	789.072.760.000	789.072.760.000
Tổng	789.072.760.000	789.072.760.000

d. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	789.072.760.000	789.072.760.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	789.072.760.000	789.072.760.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

e. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	78.907.276	78.907.276
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	78.907.276	78.907.276
Cổ phiếu phổ thông	78.907.276	78.907.276
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.907.276	78.907.276
Cổ phiếu phổ thông	78.907.276	78.907.276
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	34.892.110.512	20.250.018.014
Doanh thu cung cấp dịch vụ	99.973.653.145	46.298.756.234
Doanh thu hợp đồng xây dựng	34.384.577.410	18.458.465.556
Doanh thu khác	14.682.992.270	5.881.664.447
Tổng	183.933.333.337	90.888.904.251
Doanh thu với các bên liên quan	-	535.355.451
(Chi tiết tại thuyết minh 7.3)		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	17.332.138.583	18.180.930.274
Giá vốn cung cấp dịch vụ	80.354.765.049	68.272.046.308
Giá vốn hợp đồng xây dựng	35.087.794.521	5.197.232.545
Giá vốn khác	12.385.001.784	10.820.028.384
Tổng	145.159.699.937	102.470.237.511

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.364.392.709	1.125.007.864
Tổng	1.364.392.709	1.125.007.864

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.597.719.028	19.091.610.288
Chi phí nhân viên	15.312.629.726	13.884.553.646
Chi phí vật liệu quản lý	80.570.865	46.860.833
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.019.888.088	123.119.871
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.785.545.395	1.785.545.395
Thuế, phí và lệ phí	218.081.759	218.081.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.299.610.651	1.147.261.351
Chi phí bằng tiền khác	3.881.392.544	1.886.187.433
Chi phí bán hàng	7.492.023.959	2.334.626.208
Chi phí nhân viên	2.206.872.621	1.711.464
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.045.918	26.318.378
Chi phí khấu hao	23.067.975	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.901.316.667	1.705.376.672
Chi phí khác bằng tiền	1.355.720.778	601.219.694
Tổng	35.089.742.987	21.426.236.496

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.5 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	136.363.636	-
Hoàn trích dự phòng bảo hành công trình	2.128.777.467	33.276.007.429
Thu nhập khác	97.907.734	16.435.877
Tổng	2.363.048.837	33.292.443.306
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt hợp đồng	301.737.545	62.343.495
Nộp tiền phạt chậm nộp thuế	68.860.233	4.335.611.246
Chi phí khác	535.593.226	125.160.950
Tổng	906.191.004	4.523.115.691
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1.456.857.833	28.769.327.615

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	832.513.210	5.501.725.240
Tổng	832.513.210	5.501.725.240

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.672.627.745	(8.614.959.517)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	6.103.803.951	(8.547.166.310)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(431.176.206)	(67.793.207)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	6.103.803.951	(8.547.166.310)
Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	78.907.276	78.907.276
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) (i)	78.907.276	78.907.276
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	77,35	(108,32)

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.886.355	48.572.297
Chi phí xây dựng và phát triển BĐS	74.251.852.237	62.002.878.016
Chi phí nhân công	13.544.601.317	14.233.974.435
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.781.092.780	25.586.213.040
Chi phí dự phòng	16.693.347.386	25.586.213.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.729.546.696	5.448.840.511
Chi phí khác bằng tiền	8.143.035.358	4.947.074.981
Tổng	146.202.362.129	137.853.766.320

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các cam kết và sự kiện tiềm tàng

Cam kết bàn giao lại cơ sở hạ tầng cho thành phố

Theo Công văn số 985/UB-NNĐC do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ngày 31/3/2004, diện tích tầng 1 các tòa cao tầng trong khu đô thị mới Yên Hòa do Nhà nước thống nhất quản lý và Tổng Công ty có trách nhiệm bàn giao diện tích tầng 1 này cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội theo quy định. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan chức năng để xử lý các nội dung này.

Cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty đang thuê một số lô đất tại quận Cầu Giấy, Hà Nội theo hợp đồng ký năm 2016 để tái đầu tư các dự án Bất động sản, với thời hạn thuê là 50 năm. Các khoản tiền thuê đất ước tính phải trả trong tương lai của Tổng Công ty vào cuối năm.

Tổng Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng khoán doanh thu cho thuê hoạt động với Công ty TNHH MTV Quản lý Bất động sản Constrexim, theo đó, giá cho thuê hoạt động được thỏa thuận hàng năm.

Các tài sản thuộc Khu đô thị Yên Hòa

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.11, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan nhà nước hữu quan và các bên liên quan khác để hoàn tất hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu và quyền sử dụng đối với một số tài sản thuộc tòa nhà CT3 và CT6 trong khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa. Tổng Công ty tin tưởng rằng kết quả cuối cùng của các cơ quan nhà nước hữu quan sẽ có lợi cho Tổng Công ty nên Tổng Công ty tiếp tục ghi nhận các tài sản này là tài sản của Tổng Công ty trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nợ tiềm tàng liên quan đến khoản nợ Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San

Các khoản dự phòng phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San, được trình bày tại Thuyết minh số 5.16 có kỳ hạn thanh toán thành một số đợt với khoản phải trả cuối cùng có kỳ hạn trả không muộn hơn 30/12/2017. Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San đã tạm dừng hoạt động và Tổng Công ty đang trong quá trình liên hệ và làm việc để gia hạn thời hạn thanh toán cho khoản phải trả này. Tổng Công ty chưa ghi nhận các khoản lãi tính trên số nợ quá hạn do Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đánh giá sẽ đạt được thỏa thuận gia hạn cho khoản phải trả này.

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo Bản án số 419/2022/DSPS ngày 17/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 413/QĐ-CCTHADS ngày 28/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội v/v: (i) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Minh Sơn về việc tranh chấp Hợp đồng tài sản với Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam; (ii) Buộc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam phải thanh toán trả Ông Trần Minh Sơn số tiền 199.101.107.533 đồng (bao gồm số tiền nợ gốc 148.160.000.000 đồng và 50.941.107.533 đồng tiền lãi tính đến ngày 30/12/2021).

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH CTX số 1	Công ty con
Công ty TNHH Apas Hospitality	Công ty con
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Constrexim	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Indochina	Công ty con
Công ty CP Địa ốc Sum Lâm	Công ty con
Công ty CP Thủy điện La Ngâu	Công ty con
Công ty CP Ocean View Nha Trang	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Công ty con
Công ty TNHH CTX Số 2	Công ty con
Công ty CP Constrexim Đức Tân Long	Công ty liên kết
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và	Công ty liên kết
Công ty CP Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết
Công ty CP ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	Công ty liên kết
Công ty CP ĐTXD Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	Công ty liên kết
Công ty CP xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát tham gia điều hành quản lý Tổng Công ty trong năm (chi tiết tại báo cáo Ban Tổng giám đốc trang 2-3 của Báo cáo tài chính) và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này.	

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao	204.000.000	204.000.000
Phan Minh Tuấn	Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Hưng	Thành viên	36.000.000	36.000.000
	HĐQT độc lập		
Trần Khanh	Thành viên	36.000.000	36.000.000
	HĐQT độc lập		
Chu Thị Hồng Hạnh	Thành viên	36.000.000	36.000.000
	HĐQT độc lập		
Lý Quốc Hùng	Ủy viên	36.000.000	36.000.000
Ban kiểm soát	Thù lao	60.000.000	60.000.000
Lý Văn Khả	Trưởng BKS	36.000.000	36.000.000
Trần Anh Tú	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Toàn Thắng	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Ban Tổng Giám đốc	Lương	1.552.042.904	1.167.829.000
Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	372.059.000	388.152.000
Lý Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	378.059.000	364.352.000
	đốc		
Đỗ Tường Hải	Phó Tổng Giám đốc	333.865.904	94.773.000
	đốc		
Ngô Thị Thu Lý	Phó Tổng Giám đốc	468.059.000	320.552.000
	đốc		
Tổng		1.816.042.904	1.431.829.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bán hàng				
Các bên liên quan khác		Doanh thu phí quản lý phát triển dự án		535.355.451
				535.355.451
Trả gốc vay			66.169.373.633	48.593.780.518
Công ty CP Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Trả gốc vay	66.169.373.633	48.593.780.518
Công ty CP Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Trả lãi vay	5.690.994.768	5.690.994.768
Cho vay, thu hồi tiền vay và tiền lãi cho vay			12.015.500.000	12.015.500.000
Công ty cổ phần Địa Ốc Sum Lâm			365.500.000	365.500.000
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L		Cho vay	11.650.000.000	11.650.000.000

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			9.259.059.185	9.193.403.716
Công ty CP Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Phải thu theo hợp đồng xây dựng	26.876.159	26.876.159
Công ty CP XL và SX cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết	Vật liệu xây dựng mua hộ	5.916.570.420	7.219.076.093
Công ty CP Đức Tân long - Constrexim	Công ty liên kết	Phải thu theo hợp đồng xây dựng	892.649.712	892.649.712
Bên liên quan khác			2.422.962.894	1.054.801.752
Trả trước cho người bán			19.089.938.872	19.089.938.872
Công ty CP đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	86.506.389	86.506.389
CONSTREXIM Toàn Công ty CP	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	4.543.730.615	4.543.730.615
Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	7.544.509.825	7.544.509.825
Công ty CP cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	557.758.267	557.758.267
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	1.173.304.065	1.173.304.065
Công ty CP Đức Tân long - Constrexim	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	5.184.129.711	5.184.129.711
Công ty CP Đầu tư xây dựng	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

c. Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả người bán ngắn hạn			17.659.160.724	17.659.161.194
Công ty CP đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước CONSTREXIM Công ty CP	Công ty liên kết	Phải trả cho nhà thầu xây dựng theo hợp đồng	4.261.111.301	4.261.111.301
Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Phải trả cho nhà thầu xây dựng theo hợp đồng	10.058.328.128	10.058.328.128
Công ty CP XL và SX cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết	Phải trả cho nhà thầu xây dựng theo hợp đồng	661.274.774	661.275.244
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	Công ty liên kết	Phải trả cho nhà thầu xây dựng theo hợp đồng	818.336.344	818.336.344
Công ty CP đầu tư và tư vấn XD Constrexim - ICC	Công ty liên kết	Phải trả cho nhà thầu xây dựng theo hợp đồng	19.970.000	19.970.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim (CID)	Công ty liên kết	Phải trả cho nhà thầu xây dựng theo hợp đồng	1.840.140.177	1.840.140.177
			31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Người mua trả tiền trước			1.302.505.673	1.302.505.673
Công ty CP XL và SX cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết	Tạm ứng theo hợp đồng xây dựng	1.302.505.673	1.302.505.673
Phải trả khác			3.111.130.240	5.522.233.443
Phan Minh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Phải trả khác	30.000.000	30.000.000
Trần Anh Tú	Thành viên ban Kiểm soát	Phải trả do chấm dứt hợp đồng mua bán căn hộ	3.081.130.240	3.081.130.240
Công ty CP Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Lãi vay	-	2.411.103.203

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7.4 Báo cáo bộ phận

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Chuyển nhượng bất động sản, Hợp đồng xây dựng, Hoạt động khách sạn, dịch vụ lưu trú ngắn ngày và Cung cấp hàng hóa và dịch vụ và hoạt động khác. Đây là các bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và ti suất sinh lời của Tổng Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi các khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty và các công ty con cung cấp.

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Doanh thu dịch vụ	Doanh thu khác	Tổng
DOANH THU					
Tổng doanh thu	18.458.465.556	20.250.018.014	46.298.756.234	5.881.664.447	90.888.904.251
Giá vốn hàng bán	5.197.232.545	18.180.930.274	68.272.046.308	10.820.028.384	102.470.237.511
Lợi nhuận gộp	13.261.233.011	2.069.087.740	(21.973.290.074)	(4.938.363.937)	(11.581.333.260)
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	13.261.233.011	2.069.087.740	(21.973.290.074)	(4.938.363.937)	(11.581.333.260)
Lãi tiền gửi					1.125.007.864
Chi phí bán hàng					(2.334.626.208)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(19.091.610.288)
Thu nhập khác					33.292.443.306
Chi phí khác					(4.523.115.691)
Lợi nhuận trong năm	13.261.233.011	2.069.087.740	(21.973.290.074)	(4.938.363.937)	(3.113.234.277)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7.4 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

DOANH THU	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Doanh thu dịch vụ	Doanh thu khác	Tổng
Tổng doanh thu	34.384.577.410	34.892.110.512	99.973.653.145	14.682.992.270	183.933.333.337
Giá vốn hàng bán	35.087.794.521	17.332.138.583	80.354.765.049	12.259.571.734	145.034.269.887
Lợi nhuận gộp	(703.217.111)	17.559.971.929	19.618.888.096	2.423.420.536	38.899.063.450
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	(703.217.111)	17.559.971.929	19.618.888.096	2.423.420.536	38.899.063.450
Lãi tiền gửi					1.364.392.709
Chi phí tài chính					(125.430.050)
Chi phí bán hàng					(7.492.023.959)
Chi phí quản lý doanh thu					(27.597.719.028)
Thu nhập khác					2.363.048.837
Chi phí khác					(906.191.004)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(832.513.210)
Lợi nhuận trong năm	(703.217.111)	17.559.971.929	19.618.888.096	2.423.420.536	5.672.627.745

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT. Báo cáo này chưa được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty thông qua trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 29 tháng 7 năm 2022.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập/Kế toán trưởng



Đỗ Quốc Việt

T.U.Q. TỔNG GIÁM ĐỐC
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Hoàng Thị Hương Lan